

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông **Phạm Tuấn V**. Sinh năm 1991 và bà **Nguyễn Thị Nguyễn H**. Sinh năm: 1991. Cùng trú tại: **I T, Tổ C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Tuấn V** và bà **Nguyễn Thị Nguyễn H** kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận S, TP Đà Nẵng**. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xảy ra xung đột, không có tiếng nói chung. Xét tình cảm hai bên không còn, không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông **V** và bà **H** đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông **V** và bà **H** khai nhận có 01 con chung là **Phạm Gia H1**, sinh ngày: 16.12.2018. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông **V** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81,82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: ông **V** và bà **H** không yêu cầu

[4]. Về nợ chung: Ông **V** và bà **H** khai nhận không có.

[5]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) Ông **V** và bà **H** chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 15.7.2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn V và bà Nguyễn Thị Nguyễn H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 292 của UBND phường T, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 22.12.2017 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Phạm Tuấn V và bà Nguyễn Thị Nguyễn H khai nhận có 01 con chung là Phạm Gia H1, Sinh ngày: 16.12.2018. Hai bên thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Phạm Gia H1, sinh ngày: 16.12.2018.

Ông Phạm Tuấn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 07.2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông V và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông V và bà H khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) ông V và bà H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002708 ngày 04.7.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông V và bà H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p Thọ Quang, q Sơn Trà, TPĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy